

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Trúc Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Anh Dũng.

2. Ông Trần Công Danh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2780/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 87/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: 4, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Vũ Hữu Đ, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Nhà không số, tổ D, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T có đơn xin vắng mặt, ông Đ vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T trình bày :***

Bà và ông Vũ Hữu Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 175 ngày 25/3/2021. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu

thuần do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng nhiều lần hòa giải với nhau. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông Đ, mâu thuẫn không thể hòa giải hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông Đ có 02 con chung là cháu Vũ Nguyễn Quốc B sinh ngày 09/10/2016 và cháu Vũ Nguyễn Thiên P sinh ngày 09/03/2021. Ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu. Tạm thời, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà xin Tòa án xét xử vắng mặt vì bận công việc.

**** Bị đơn ông Vũ Hữu Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến, không đến Tòa án để tham gia tố tụng.***

**** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết T.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Vũ Nguyễn Quốc B sinh ngày 09/10/2016 và cháu Vũ Nguyễn Thiên P sinh ngày 09/03/2021 cho bà T trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chưa lấy được ý kiến của ông Đ nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chưa lấy được ý kiến của ông Đ nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà T chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Tuyết T xin ly hôn với ông Vũ Hữu Đ. Theo văn bản xác minh ngày 11/12/2024, thể hiện bị đơn ông Đ đang cư trú tại địa chỉ: Nhà không số, tổ D, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đ nhưng ông Đ không đến Toà án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên toà xét xử mà không có lý do; Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T, ông Đ.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Vũ Hữu Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 449 ngày 04 tháng 12 năm 2015 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Theo trình bày của bà T thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột dẫn đến vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau. Bà T và ông Đ đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T xin được ly hôn với ông Đ.

Tại biên bản xác minh ngày 11/12/2024, địa phương cung cấp không nắm được thông tin mâu thuẫn giữa bà T, ông Đ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đ nhưng ông Đ vẫn không có ý kiến chứng tỏ ông Đ bỏ mặc, không mong muốn bảo vệ và duy trì hôn nhân với bà T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T, ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Ông Đ không có thiện chí hoặc biện pháp để hàn gắn gia đình, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, nay bà T xin ly hôn với ông Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Quá trình chung sống, bà T, ông Đ có 02 con chung là cháu Vũ Nguyễn Quốc B sinh ngày 09/10/2016 và cháu Vũ Nguyễn Thiên P sinh ngày 09/03/2021. Ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai cháu, tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu B trên 07 tuổi, qua tham khảo ý kiến của cháu, cháu có nguyện vọng ở với bà T. Hiện nay, cháu P đang do bà T trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Bà T hiện có công việc ổn định. Vì vậy, tôn trọng nguyện vọng của cháu B và để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu P, nên chấp nhận yêu cầu của bà T, giao các con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Do bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông Đ chưa có ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông Đ chưa có ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phù hợp với chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Oanh sự;

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết T. Bà Nguyễn Thị Tuyết T được ly hôn với ông Vũ Hữu Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Nguyễn Quốc B sinh ngày 09/10/2016 và cháu Vũ Nguyễn Thiên P sinh ngày 09/03/2021 cho bà Nguyễn Thị Tuyết T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm thời ông Vũ Hữu Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004635 ngày 11/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà (Đã nộp xong).

5. Bà Nguyễn Thị Tuyết T, ông Vũ Hữu Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Biên Hoà;
- UBND phường Trảng Dài ;
- Chi cục THADS. TP. Biên Hoà;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Trúc Thuỷ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

